

Mẫu nhãn AMUFAST capsule
Hộp 30 viên (3 vỉ x 10 viên)
100% real size



AMPHARCO U.S.A

30 capsules
(3 blisters x 10 capsules)

KEEP OUT REACH OF CHILDREN
PLEASE READ PACKAGE INSERT BEFORE USE



AMUFAST[®]
Loperamide HCl 2mg

WHO GMP

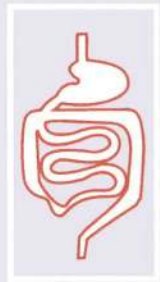
AMUFAST[®]
Loperamide HCl 2mg

Specifications: Manufacturers,
AMPHARCO U.S.A JSPC
AMPHARCO U.S.A
Manufactured and Distributed by:
Nhơn Trạch 3 LP, Nhơn Trạch, Đồng Nai

Composition: Each capsule contains
Loperamide HCl 2mg
Excipients q.s.: one capsule
Indications, Dosage & Administration,
Contraindications: See package insert
Storage:
Store at temperature below 30°C.
Avoid direct sunlight and moisture.

WHO GMP

AMUFAST[®]
Loperamide HCl 2mg



ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

30 viên
(3 vỉ x 10 viên nang)

AMPHARCO U.S.A

SPK/Visa No.:
Số lô SX/Batch No.: 10001
NSX/Mfg. date: 17/12/2010
HD/exp. date: 17/12/2013

Thành Phần: Mỗi viên nang chứa
Loperamid HCl 2mg
Tá được vừa đủ một viên.
Chỉ định, Liều dùng & Cách dùng,
Chống chỉ định:
Xem tờ hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản: Ở nhiệt độ dưới 30°C.
Tránh ánh sáng trực tiếp và nơi ẩm ướt.
Tiêu chuẩn: TCCS.
Sản xuất và phân phối:
AMPHARCO U.S.A
CTY CPDP AMPHARCO U.S.A
KCN Nhơn Trạch 3, Nhơn Trạch, Đồng Nai





Thành Phần:

Mỗi viên nang chứa:

Loperamid HCl 2mg

Tá dược vừa đủ một viên.

Chỉ định, Liều dùng & Cách dùng,

Chống chỉ định:

Xem tờ hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản:

Ở nhiệt độ dưới 30°C.

Tránh ánh sáng trực tiếp và nơi ẩm ướt.

Tiêu chuẩn: TCCS.

Sản xuất và Phân phối:

AMPHARCO U.S.A

CTY CPDP AMPHARCO U.S.A

KCN Nhơn Trạch 3, Nhơn Trạch, Đồng Nai

AMUFAST®
Loperamide HCl 2mg

WHO
GMP



ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

100 viên
(10 vỉ x 10 viên nang)

AMPHARCO U.S.A

Composition:

Each capsule contains:

Loperamide HCl 2mg

Excipients q.s. one capsule.

Indications, Dosage & Administration,

Contraindications: See package insert.

Storage:

Store at temperature below 30°C.

Avoid direct sunlight and moisture

Specifications: Manufacturer's.

Manufactured and Distributed by:

AMPHARCO U.S.A

AMPHARCO U.S.A JSPC

Nhon Trach 3 I.P. Nhon Trach, Dong Nai

AMUFAST®
Loperamide HCl 2mg

WHO
GMP



KEEP OUT REACH OF CHILDREN
PLEASE READ PACKAGE INSERT BEFORE USE

100 capsules
(10 blisters x 10 capsules)

AMPHARCO U.S.A

SĐK/Visa No.:
Số M SX/Batch No: T0001
NSX/Mfg. date: 17/12/2010
HD/Exp. date: 17/12/2013



Mẫu nhãn AMUFAST capsule
Hộp 100 viên (10 vỉ x 10 viên)
70% real size

Mẫu nhãn AMUFAST capsule
Vi 10 viên
100% real size



TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Viên nang AMUFAST®

THÀNH PHẦN: Mỗi viên nang chứa:

- Loperamide HCl 2mg
- Tá dược: Lactose DC, Sodium starch glycolate, Colloidal anhydrous silica, Magnesium stearate, Talc.

TÍNH CHẤT: AMUFAST chứa loperamide là một thuốc trị tiêu chảy được dùng để chữa triệu chứng các trường hợp tiêu chảy cấp không rõ nguyên nhân và một số trường hợp tiêu chảy mạn tính. Thuốc làm giảm nhu động ruột, giảm tiết dịch đường tiêu hóa và tăng trương lực cơ thắt hậu môn. Thuốc còn có tác dụng kéo dài thời gian vận chuyển qua ruột, tăng vận chuyển dịch và chất điện giải qua niêm mạc ruột do đó làm giảm sự mất nước và điện giải, giảm lượng phân.

CHỈ ĐỊNH: Làm giảm triệu chứng tiêu chảy cấp không đặc hiệu, tiêu chảy mạn tính do viêm đường ruột. Làm giảm khối lượng phân cho những bệnh nhân có thủ thuật mở thông hồi tràng.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:

Người lớn:

Tiêu chảy cấp: khởi đầu 4 mg, sau đó mỗi lần đi tiêu phân lỏng dùng tiếp 2 mg; tối đa 5 ngày. Liều thông thường: 6 – 8 mg/ngày. Liều tối đa: 16 mg/ngày.

Tiêu chảy mạn: Uống 4 mg, sau đó mỗi lần tiêu lỏng uống 2mg cho tới khi cầm được tiêu lỏng.

Liều duy trì: uống 4 – 8mg /ngày chia làm 2 lần.

Liều tối đa: 16mg / ngày.

Trẻ em: Loperamide không được khuyến cáo dùng cho trẻ em một cách thường quy trong tiêu chảy cấp.

Trẻ em dưới 6 tuổi: không được khuyến cáo dùng.

Trẻ em từ 6 – 12 tuổi: uống 0,08 – 0,24mg/kg/ngày chia 2 hoặc 3 liều. Hoặc:

Trẻ từ 6 – 8 tuổi: uống 2mg, 2 lần mỗi ngày.

Trẻ từ 8 – 12 tuổi: uống 2mg, 3 lần mỗi ngày

Liều duy trì: uống 1mg /10 kg thể trọng, chỉ uống sau 1 lần đi ngoài.

Tiêu chảy mạn tính: liều ở trẻ em chưa được xác định.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Quá mẫn cảm với loperamide.
- Khi cần tránh ức chế nhu động ruột; bụng trướng
- Có tổn thương gan.
- Viêm đại tràng nặng, viêm đại tràng màng giả, hội chứng lỵ.

TÁC DỤNG PHỤ: Táo bón, khô miệng, đau vùng thượng vị. Buồn ngủ, chóng mặt, mệt mỏi. Nổi mẩn da.

THÔNG BÁO CHO BÁC SĨ NHỮNG TÁC DỤNG BẤT LỢI GẶP PHẢI KHI SỬ DỤNG THUỐC.

THẬN TRỌNG:

- Không nên dùng cho phụ nữ có thai vì chưa có đủ nghiên cứu về tính an toàn khi sử dụng trên đối tượng này. Có thể dùng thuốc cho các bà mẹ đang cho con bú nhưng chỉ với liều thấp.

- Thận trọng khi dùng thuốc cho bệnh nhân có giảm chức năng gan hoặc có viêm loét đại tràng.

- Nên ngưng thuốc nếu không thấy có kết quả sau 48 giờ.

- Cần theo dõi nhu động ruột, lượng phân, nhiệt độ cơ thể, tình trạng trương bụng khi dùng thuốc.

TƯƠNG TÁC THUỐC: Các thuốc ức chế hệ thần kinh trung ương, phenothiazin, thuốc chống trầm cảm 3 vòng có thể làm tăng các tác dụng không mong muốn của Loperamide.

QUÁ LIỀU:

Triệu chứng: Táo bón, ức chế thần kinh trung ương, kích ứng đường ruột.

- **Điều trị:** Dùng than hoạt tính (giúp giảm sự hấp thu đến 9 lần). Nếu bệnh nhân không bị nôn ói, cần súc rửa dạ dày sau đó dùng tiếp than hoạt tính 100g bơm qua ống thông dạ dày. Nếu có ức chế hô hấp, phải dùng thêm naloxone.

BẢO QUẢN: Ở nhiệt độ dưới 30°C. Tránh ánh sáng trực tiếp và nơi ẩm ướt.

TRÌNH BÀY: Vi 10 viên. Hộp 3 vi, 10 vi.

TIÊU CHUẨN: TCCS

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

**ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN THẦY
THUỐC**

SẢN XUẤT & PHÂN PHỐI:

Cty CPDP AMPHARCO U.S.A

KCN Nhơn Trạch 3, Nhơn Trạch, Đồng Nai.

ĐT: 0613-566205

Fax: 0613-566203

